

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
**SỞ NỘI VỤ**

Số: 55 /SNV-CCHC

V/v đề nghị góp ý hướng dẫn  
chấm điểm CCHC cấp xã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020*

Kính gửi:

- Các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố.

Ngày 05/12/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3130/QĐ-UBND quy định đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính các xã, phường, thị trấn. Để triển khai quyết định, Sở Nội vụ đã Dự thảo hướng dẫn về tài liệu kiểm chứng và cách chấm điểm đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần (*nội dung đã đăng tải trên trang Thông tin điện tử của Sở Nội vụ*);

Sở Nội vụ kính đề nghị các sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tham gia góp ý dự thảo hướng dẫn về tài liệu kiểm chứng, cách chấm điểm và gửi về Phòng Cải cách hành chính, Sở Nội vụ trước ngày 20/01/2020 (*theo đường bưu điện hoặc qua Email: [dhdung.snv@thuathienhue.gov.vn](mailto:dhdung.snv@thuathienhue.gov.vn)*) để tổng hợp, ban hành hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c)
- Giám đốc Sở (b/c);
- Phòng Nội vụ các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CCHC.D.16.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Thị Hồng Loan**

**Phụ lục**  
**HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG TÁC CCHC CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
*theo Quyết định số 3130/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh*  
*Ban hành kèm theo Công văn số: SNV-CCHC ngày /01/2019 của Sở Nội vụ*

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Yêu cầu Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
<b>NHÓM 1: TỰ ĐÁNH GIÁ</b>		<b>50</b>		
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>9</b>		
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC</b>	<b>1.5</b>		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.5		Điều kiện: Kế hoạch đạt theo yêu cầu là đầy đủ nội dung, đúng thời gian theo quy định hiện hành của UBND cấp huyện. Nếu chưa có quy định thì áp dụng ban hành kế hoạch trong 15 ngày kể từ ngày UBND huyện ban hành Kế hoạch CCHC, nội dung kế hoạch theo cấu trúc của KH của UBND cấp huyện
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên: 0.5</i>		Kế hoạch CCHC năm đánh giá	- Kế hoạch đầy đủ nội dung, đúng thời gian thì đạt 0,5 điểm; - Kế hoạch chưa đầy đủ nội dung hoặc chưa đúng thời gian thì điểm

	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên: 0</i>			đánh giá là 0.25 điểm. - Không ban hành KH hoặc KH chưa đầy đủ nội dung và chưa đúng thời gian thì điểm đánh giá là 0 điểm.
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1		Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ đã hoàn thành, so với tổng số nhiệm vụ trong Kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hoàn thành; - Nếu dưới 80% : 0.
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i>		Báo cáo CCHC năm đánh giá (trong đó, có trình bày rõ số lượng nhiệm vụ đã hoàn thành so với Kế hoạch); Kế hoạch CCHC năm đánh giá.	
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
<b>1.2</b>	<b><i>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</i></b>	<b>1.5</b>		Điều kiện: Báo cáo đạt yêu cầu phải đảm bảo: đúng nội dung và đúng thời gian theo quy định của UBND cấp huyện. Nếu chưa có quy định thì áp dụng báo cáo trước 10 ngày kể từ ngày UBND huyện báo cáo, nội dung báo cáo theo cấu trúc của báo cáo của UBND cấp huyện
	<i>Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 0.5</i>		Các báo cáo CCHC quý, 6 tháng của năm đánh giá, Báo cáo năm trước	Có đủ 4 báo cáo theo yêu cầu đạt 0.5 điểm; thiếu mỗi báo cáo, bị trừ 0,125 điểm.

	<i>Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL: 0.25</i>		Báo cáo năm trước về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	Có báo cáo năm theo yêu cầu đạt 0.25 điểm; thiếu báo cáo hoặc báo cáo không đạt theo yêu cầu: 0 điểm.
	<i>Báo cáo định kỳ quý, 6 hàng, năm về kiểm soát TTHC: 0,25</i>		Các báo cáo KS TTHC 6 tháng của năm đánh giá, báo cáo KS TTHC năm trước	Có đủ 4 báo cáo theo yêu cầu đạt 0.25 điểm; thiếu mỗi báo cáo, bị trừ 0,0625 điểm.
	<i>Báo cáo chất lượng cán bộ, công chức: 0,25</i>		Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Có báo cáo năm theo yêu cầu đạt 0.25 điểm; thiếu báo cáo hoặc báo cáo không đạt theo yêu cầu: 0 điểm.
	<i>Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND huyện về CCHC: 0,25</i>		Báo cáo số lượng, các nội dung đột xuất của cấp huyện; số lượng đã hoàn thành/số lượng đột xuất	- Hoàn thành 100% : 0,25 điểm; - Hoàn thành dưới 100% : 0 điểm
<b>1.3</b>	<b><i>Công tác kiểm tra, giám sát CCHC</i></b>	<b>2</b>		
1.3.1	<i>Kiểm tra, giám sát công tác CCHC</i>	1		
	<i>Đảng ủy, HĐND: 0,5</i>		Kế hoạch, thông báo hoặc biên bản kiểm tra, giám sát công tác CCHC của Đảng ủy, HĐND cấp xã	- Có thực hiện: 0,5 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm
	<i>UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể: 0,5</i>		Kế hoạch, thông báo hoặc biên bản kiểm tra, giám sát công tác CCHC của UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể	- Có thực hiện: 0,5 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm
1.3.2	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	1	- Biên bản, thông báo kết luận sau	Tính tỷ lệ % số vấn đề được khắc

	<i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i>		kiểm tra; - Báo cáo việc khắc phục kết luận sau kiểm tra của cấp xã; - Báo cáo kết quả kiểm tra với UBND cấp huyện (nếu có)	phục so với số vấn đề tại kết luận kiểm tra; Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 70% - 100% thì được tính theo tỷ lệ %; - Dưới 70%: 0 điểm.
	<i>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>			
<b>1.4</b>	<b><i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức</i></b>	<b>1.5</b>		
1.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức	0.5	Cung cấp hình ảnh tại trụ sở và hình ảnh trên Trang Thông tin điện tử của cấp xã có nội dung về niêm yết công khai địa chỉ, điện thoại tiếp nhận; quy trình tiếp nhận PAKN; hoặc các bằng chứng liên quan	Có tổ chức, thực hiện đúng quy định thì đánh giá : 0.5 điểm
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>			
1.4.2	Xử lý PAKN thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức	1	Báo cáo kiểm soát TTHC, hoặc báo cáo riêng về PAKN	Tính tỷ lệ % số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, so với tổng số PAKN phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 70% - 100%, thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %; - Dưới 70%: 0 điểm
	<i>Từ 70% - 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i>			
	<i>Dưới 70% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
<b>1.5</b>	<b><i>Công tác tuyên truyền CCHC</i></b>	<b>1.5</b>		
1.5.1	Tuyên truyền trong cán bộ, công chức	0.5		

	<i>Tổ chức đánh giá tổng kết về thực hiện công tác CCHC của địa phương hàng năm (có thể lồng ghép với Hội nghị khác): 0.25</i>		Giấy mời, chương trình hoặc hình ảnh tổ chức hội nghị (có thể lồng ghép với nội dung khác tại hội nghị)	Có tổ chức đánh giá tổng kết: 0.25 điểm; Không tổ chức: 0 điểm
	<i>Tham gia bồi dưỡng, tập huấn, Hội nghị hoặc thực hiện các nhiệm vụ cấp trên giao về công tác CCHC (nếu có): 0.25</i>		Thống kê số lượng người tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị do UBND tỉnh, UBND huyện hoặc phòng chuyên môn tổ chức về triển khai công tác CCHC trên địa bàn	Có tham gia đầy đủ thì được đánh giá là: 0.25 điểm; tham gia không đầy đủ: 0 điểm.
1.5.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1		
	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: 0.25</i>		Tuyên truyền CCHC cả 3 hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của xã; (3) Tuyên truyền CCHC trên loa đài PT của xã; Lập danh mục tin, bài đã phát hành qua các phương tiện thông tin đại chúng; dẫn chứng bằng các hình ảnh, địa chỉ, thời gian đã phát hành tuyên truyền	Có TLKT thuyết phục đạt 0.25 điểm; TLKC không thiết phục: 0 điểm.

	<i>Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác: 0.25</i>		- Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác. Giải trình bằng các hình ảnh, tài liệu, văn bản triển khai,.. về các hình thức tuyên truyền khác nếu có	Có TLKT thuyết phục đạt 0.25 điểm; TLKC không thiết phục: 0 điểm.
	<i>Số lượng tin tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử cấp xã tăng từ 15% trở lên: 0,5</i>		Lập danh mục thống kê: Số lượng tin, bài phát hành trên trang thông tin điện tử của cấp xã trong năm (từ 15/10 năm trước đến 15/10 của năm); số lượng tin, bài phát hành năm trước liền kề (để so sánh)	Có TLKT thuyết phục đạt 0.5 điểm; TLKC không thiết phục (Không lập danh mục thống kê): 0 điểm.
<b>1.6</b>	<b><i>Thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</i></b>	<b>1</b>	- Lập bảng thống kê nhiệm vụ được UBND, Chủ tịch UBND cấp huyện giao trong thời gian từ 15/10 năm trước đến 15/10 của năm (trừ các nhiệm vụ đang trong thời gian thực hiện) (TT, nội dung nhiệm vụ được giao, yêu cầu thời gian thực hiện, số hiệu văn bản đã hoàn thành, thời gian đã hoàn	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoàn thành đúng tiến độ, - 100% nhiệm vụ được giao đã hoàn thành và 100% đúng tiến độ thì được tính 1 điểm; - 100% nhiệm vụ được giao đã hoàn thành và có nhiệm vụ chậm tiến độ thì đạt 0.5 điểm; - Có nhiệm vụ chưa hoàn thành
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 1</i>			
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0.5</i>			

	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao:0</i>		thành, ghi chú); - Các văn bản đã hoàn thành'	(so với thời hạn) thì điểm đánh giá là 0.
<b>2</b>	<b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>5</b>		
<b>2.1</b>	<b><i>Xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL)</i></b>	<b>1</b>		Điều kiện: Kế hoạch và Báo cáo đầy đủ (nội dung), đúng thời gian căn cứ theo quy định của hiện hành của UBND cấp huyện. Nếu chưa có quy định thì áp dụng kế hoạch sau 15 ngày, báo cáo trước 10 ngày kể từ ngày UBND huyện có kế hoạch, báo cáo, nội dung kế hoạch, báo cáo theo cấu trúc của kế hoạch, báo cáo của UBND cấp huyện
	<i>Xây dựng kế hoạch đầy đủ, đúng thời gian:0,5</i>		Kế hoạch theo dõi THPL	- Có Kế hoạch đầy đủ, đúng thời gian chấm 0,5 điểm; quá thời gian chấm 0,25; không có Kế hoạch: 0 điểm;
	<i>Báo cáo đầy đủ, đúng thời gian:0,5</i>		Báo cáo công tác theo dõi THPL	- Có báo cáo đầy đủ, đúng thời gian chấm 0,5 điểm; quá thời gian chấm 0,25; không có báo cáo: 0 điểm;
<b>2.2</b>	<b><i>Theo dõi THPL</i></b>	<b>2</b>		
2,2,1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL	1		



	<i>Thu thập thông tin về tình hình THPL: 0.25</i>		Văn bản thu thập và xử lý thông tin về tình hình THPL	Có thu thập thông tin về tình hình THPL đạt 0.25 điểm; nếu không thực hiện thì 0 điểm
	<i>Kiểm tra tình hình THPL: 0.25</i>		- Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; - Kế hoạch kiểm tra; - Kết luận kiểm tra	Có kiểm tra tình hình THPL thì đạt 0.25 điểm; nếu không thực hiện thì 0 điểm
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình THPL: 0.5</i>		- Phương án điều tra, khảo sát; - Mẫu phiếu điều tra khảo sát; - Báo cáo điều tra, khảo sát.	Có điều tra, khảo sát tình hình THPL thì đạt 0.5 điểm; nếu không thực hiện thì 0 điểm
2,2,2	<b>Xử lý kết quả theo dõi THPL</b>	<b>1</b>		
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi THPL theo thẩm quyền:1</i>		- Báo cáo năm về theo dõi THPL; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát; - Các văn bản do UBND cấp huyện ban hành, để xử lý các kiến nghị sau rà soát.	- Có đầy đủ, đúng thời gian, đạt 1 điểm; - Chưa đầy đủ, hoặc chưa đúng thời gian, đạt 0,5 điểm. - Không ban hành hoặc chưa đầy đủ và chưa đúng thời gian thì điểm đánh giá là 0 điểm.
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi THPL theo thẩm quyền:0</i>			
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản QPPL sau rà soát</b>	<b>1</b>		
	<i>Ban hành đầy đủ, đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		- Báo cáo năm về công tác rà soát văn bản QPPL; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát; - Các văn bản do UBND cấp xã ban hành, để xử lý các kiến nghị sau rà soát.	- Có đầy đủ, đúng thời gian, đạt 1 điểm; - Chưa đầy đủ, hoặc chưa đúng thời gian, đạt 0,5 điểm. - Không ban hành hoặc chưa đầy đủ và chưa đúng thời gian thì điểm đánh giá là 0 điểm.
	<i>Ban hành chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
<b>2.4</b>	<b>Xử lý văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra</b>	<b>1</b>	- Báo cáo kết quả xử lý; - Văn bản xử lý văn bản QPPL có	- Có đầy đủ, đúng thời gian thì đạt: 1 điểm;

	<i>Ban hành đầy đủ, đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>		sai sót	- Chưa đầy đủ, hoặc chưa đúng thời gian đạt 0,5 điểm.
	<i>Ban hành chưa đầy đủ hoặc chưa đúng thời gian văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>			
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH TTHC</b>	<b>14</b>		
<b>3.1</b>	<b>Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ</b>	<b>1.5</b>		
3.1.1	Công khai TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tại Bảng niêm yết của đơn vị	0.5	Cung cấp hình ảnh của Bảng niêm yết của cấp xã;	- Đầy đủ, kịp thời theo quy định (trong vòng 10 ngày kể từ ngày có quyết định công bố) thì đạt 0.5 điểm; - Không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0 điểm. Kết quả theo dõi, giám sát của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
3.1.2	Công khai TTHC trên Trang TTĐT của đơn vị	0.5	Cung cấp hình ảnh, đường dẫn trang thông tin điện tử của địa phương;	Có công khai, đầy đủ: 0.5 điểm Chưa công khai, đầy đủ TTHC: 0 điểm; Kết quả theo dõi, giám sát của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã	0.5	Cung cấp hình ảnh, đường dẫn trang thông tin điện tử của địa phương;	Công khai tiến độ, đầy đủ, đúng quy định: 0.5 điểm Chưa công khai tiến độ: 0 điểm - Kiểm tra trực tiếp trên website
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			

	<i>Không đúng quy định: 0</i>			- Kết quả theo dõi, giám sát của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.
<b>3.2</b>	<b><i>Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</i></b>	<b>1.5</b>		
3.2.1	TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả	0.5		- 100% số TTHC đạt: 0.5 điểm; - Dưới 100% thì điểm đánh giá 0 điểm.
	<i>Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0.5</i>		- Báo cáo 6 tháng về kiểm soát TTHC	- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện (nếu có).
	<i>Dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0</i>			
3.2.2	TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông	1		- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện (nếu có).
	<i>Đầy đủ, đúng quy định của UBND tỉnh: 0.5</i>		- Thống kê danh mục TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền và cùng cấp; - Báo cáo 6 tháng về kiểm soát TTHC;	Đầy đủ, đúng quy định của UBND tỉnh: 0.5
	<i>Đầy đủ, đúng quy định của UBND cấp huyện: 0.5</i>			Đầy đủ, đúng quy định của UBND cấp huyện: 0.5
<b>3.3</b>	<b><i>Cập nhật TTHC trên phần mềm</i></b>	<b>1</b>		
3.3.1	Cập nhật TTHC trên quy trình	0.5		- Thường xuyên, đúng quy định: 0.5;
	<i>Thường xuyên, đúng quy định: 0.5</i>		- Thống kê tại thời điểm 15/10 năm đánh giá trên phần mềm	- Không đúng quy định: 0 điểm
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện (nếu có).
3.3.2	TTHC được thiết lập đúng theo quy trình trên phần mềm	0.5	- Thống kê tại thời điểm 15/10 năm đánh giá trên phần mềm	- 100% TTHC được thiết lập đúng thì điểm đánh giá là: 0.5

	<i>Từ 100% TTHC được thiết lập đúng thì điểm đánh giá là 0.5</i>			
	<i>Từ 95 % - dưới 100% TTHC được thiết lập đúng thì điểm đánh giá là 0.25</i>			
	<i>Dưới 95% TTHC được thiết lập đúng: 0</i>			
<b>3.4</b>	<b><i>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</i></b>	<b>9</b>		
3.4.1	Hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1.5		
	<i>Từ 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá là 1.5</i>			
	<i>Từ 95 % - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn) X 1.25</i>		Số lượng hồ sơ đã được giải quyết; Số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn trong thời gian từ 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá; Hình ảnh thống kê tại phần mềm;	<p>Tính tỷ lệ số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn so với số hồ sơ đã được giải quyết, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5;</li> <li>- Từ 95 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1,25;</li> <li>- Từ 90 % - dưới 95% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %;</li> <li>- Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.</li> <li>- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.</li> </ul>
	<i>Từ 90 - dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn</i>			
	<i>Dưới 90% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0</i>			
3.4.2	Hồ sơ TTHC có thời gian giải quyết nhiều ngày được số hóa	1.5		
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>		Số lượng hồ sơ giải quyết nhiều ngày đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm trong thời gian 16/10	Tính tỷ lệ % số hồ sơ đã được số hóa, nếu: - 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá

	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ số hóa) X 1.25</i>		năm trước đến 15/10 năm đánh giá; Hình ảnh thống kê tại phần mềm;	là 1.5; - Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1,25; - Từ 50 % - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. - Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ số hóa</i>			
	<i>Dưới 50% số hồ sơ số hóa: 0</i>			
3.4.3	Hồ sơ TTHC có thời gian giải quyết trong ngày được số hóa	1.5	Số lượng hồ sơ giải quyết trong ngày đã được cập nhật, số hóa trên phần mềm trong thời gian 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá; Hình ảnh thống kê tại phần mềm;	Tính tỷ lệ % số hồ sơ đã được số hóa, nếu: - 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5; - Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1,25; - Từ 50 % - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. - Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>			
	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ số hóa) X 1.25</i>			
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ số hóa</i>			
	<i>Dưới 50% số hồ sơ số hóa: 0</i>			
3.4.4	Thực hiện cập nhật hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm	0.5	Số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trên phần mềm trong thời gian từ 16/10 năm trước đến 15/10	- Đầy đủ, đúng quy định: 0.5 - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			

	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>		năm đánh giá. Hình ảnh minh họa.	- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.
3.4.5	Thực hiện cập nhật, tạo tài khoản người sử dụng trên phần mềm	0.5	Số cá nhân, tổ chức đã được tạo tài khoản trong thời gian từ 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá.	- Đầy đủ, đúng quy định: 0.5 - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 - Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>			
3.4.6	Thực hiện việc xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC (nếu có)	0.5	Số hồ sơ đã được xin lỗi; Số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn trong thời gian từ 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá; Một số văn bản xin lỗi.	- Đầy đủ, đúng quy định: 0.5 - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 - Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.
	<i>Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>			
3.4.7	Hồ sơ được tiếp nhận theo hình thức liên thông trong số TTHC hoặc nhóm TTHC đã triển khai giải quyết theo hình thức liên thông	1.5	- Số lượng hồ sơ đã được giải quyết theo hình thức liên thông; số lượng hồ sơ đã giải quyết của TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông trong thời gian từ 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá;	Tính tỷ lệ % hồ sơ đã được giải quyết theo hình thức liên thông/hồ sơ được tiếp nhận theo hình thức liên thông, nếu đạt tỷ lệ: - 100% thì điểm đánh giá là 1.5 điểm; - Từ 70 % - dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1.25; - Từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %; - Dưới 50%: 0 điểm.
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>			
	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ tiếp nhận thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận) X 1.25</i>			
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận</i>			

	<i>Dưới 50% số hồ sơ tiếp nhận: 0</i>			- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.
3.4.8	Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm	1.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê danh mục hồ sơ phải thông báo gia hạn trên phần mềm trong năm đánh giá (từ 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá), kết hợp giải trình;</li> <li>- Cung cấp một số văn bản thông báo, gia hạn;</li> </ul>	<p>Tính tỷ lệ % số hồ sơ có sử dụng chữ ký số, nếu đạt tỷ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thì điểm đánh giá là 1,5;</li> <li>- Từ 70 % - dưới 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1,25;</li> <li>- Từ 50 % - dưới 70% thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %;</li> <li>- Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul> <p>- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.</p>
	<i>100% số hồ sơ thì điểm đánh giá là 1.5</i>			
	<i>Từ 70 % - dưới 100% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận) X 1.25</i>			
	<i>Từ 50 - dưới 70% số hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo Tỷ lệ % hồ sơ tiếp nhận</i>			
	<i>Dưới 50% số hồ sơ tiếp nhận: 0</i>			
3.5	<b><i>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã</i></b>	<b><i>1</i></b>		
3.5.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	0.25	<p>Hình ảnh tại trụ sở và hình ảnh trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan về niêm yết công khai địa chỉ, điện thoại tiếp nhận; quy trình tiếp nhận PAKN hoặc các bằng chứng liên quan</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tổ chức, thực hiện đúng quy định thì đánh giá : 0.25 điểm;</li> <li>- Không tổ chức, thực hiện đúng quy định: 0 điểm.</li> </ul>
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.25</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>			

3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	0.75	Bảo cáo kiểm soát TTHC năm đánh giá, hoặc báo cáo riêng về PAKN	<p>Tính tỷ lệ % số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý, so với tổng số PAKN phải xử lý hoặc kiến nghị xử lý trong năm đánh giá. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% thì đạt 0,75 điểm;</li> <li>- Từ 90% - dưới 100%, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 0,25;</li> <li>- Dưới 90%: 0.</li> </ul>
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.75</i>			
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.25</i>			
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	<b>3</b>		
<b>4.1</b>	<b>Thực hiện quy định của TW, UBND tỉnh về hệ thống chính quyền cơ sở</b>	<b>2.5</b>		
4.1.1	Thực hiện quy chế làm việc của UBND	1	Quy chế làm việc của UBND cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầy đủ, đúng quy định: 0.5</li> <li>- Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0.5;</li> <li>- Không thực hiện: 0 điểm</li> <li>- Kết quả theo dõi giám sát của VP HĐND và UBND cấp huyện.</li> </ul>
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i>			
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0.5</i>			
4.1.2	Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở đơn vị	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế dân chủ của UBND cấp xã.</li> <li>- Báo cáo năm thực hiện quy chế dân chủ và công tác dân vận chính quyền</li> </ul>	<p>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ: 0.5; Không thực hiện: 0 điểm</p>
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ: 0.5</i>			



	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền: 0.5</i>			Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền: 0.5 Không thực hiện: 0 điểm.
4.1.3	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại đơn vị	0.5	Báo cáo theo biểu mẫu quy định	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao : 0,5; Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0 điểm
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao:0.5</i>			
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao:0</i>			
<b>4.2</b>	<b><i>Thực hiện phân cấp quản lý</i></b>	<b>0.5</b>		
4.2.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND huyện ban hành	0.5	Các văn bản triển khai kiểm tra (kế hoạch kiểm tra, biên bản hoặc kết luận kiểm tra) các cơ chế, chính sách đã được phân cấp; Báo cáo thực hiện các quy định về phân cấp QLNN của các lĩnh vực.	- Có thực hiện đầy đủ các quy định: 0,5 điểm; - Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0 điểm
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>			
<b>5</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC</b>	<b>6</b>		
5.1	<b><i>Thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí chức danh</i></b>	<b>2.5</b>		
5.1.1	Công chức chuyên môn được bố trí theo đúng vị trí chức danh	0.5	Báo cáo vị trí việc làm đối với công chức cấp xã.	- Đúng quy định: 0.5 điểm; - Không đúng quy định: 0 điểm
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.1.2	Cán bộ cấp xã đạt chuẩn	1	Báo cáo số lượng, chất lượng CB	Tính tỷ lệ % chất lượng cán bộ

	<i>100% số công chức: 1</i>		cấp xã đến ngày 15/10 năm đánh giá	cấp xã đạt chuẩn, nếu: - Có 100% thì đánh giá: 1 điểm; - Từ 95 - dưới 100% thì đánh giá: 0,5 điểm; - Dưới 95% thì đánh giá 0 điểm. - Kết quả theo dõi giám sát của UBND cấp huyện.
	<i>Từ 95% - dưới 100% số công chức: 0.5</i>			
	<i>Dưới 90% số công chức: 0</i>			
5.1.2	<b>Công chức cấp xã đạt chuẩn</b>	<b>1</b>	Báo cáo số lượng, chất lượng CC cấp xã đến ngày 15/10 năm đánh giá	Tính tỷ lệ % chất lượng công chức cấp xã đạt chuẩn, nếu: - Có 100% thì đánh giá: 1 điểm; - Từ 95 - dưới 100% thì đánh giá: 0,5 điểm; - Dưới 95% thì đánh giá 0 điểm. - Kết quả theo dõi giám sát của UBND cấp huyện.
	<i>100% số công chức: 1</i>			
	<i>Từ 95% - dưới 100% số công chức: 0.5</i>			
	<i>Dưới 90% số công chức: 0</i>			
<b>5.2</b>	<b><i>Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức</i></b>	<b>2</b>		
5.2.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định	0.5	Báo cáo đánh giá phân loại CB CC năm trước liền kề; số liệu báo cáo quý I, II, III của năm đánh giá	Đúng quy định, thì điểm đánh là 0.5 điểm; Không đúng quy định: 0
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
5.2.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	0.5	- Văn bản triển khai: công văn, kế hoạch; - Các văn bản kiểm tra: biên bản hoặc kết luận kiểm tra;	Trong năm, căn cứ các tài liệu chứng minh các hình thức kỷ luật, nếu: - Không có cán bộ bị kỷ luật từ
	<i>Trong năm không có cán bộ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.25</i>			

	<i>Trong năm không có công chức bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.25</i>		- Báo cáo kết quả kiểm tra kỷ luật, kỷ cương; - Báo cáo chấp hành kỷ luật, kỷ cương của CC VC năm đánh giá.	mức khiển trách trở lên: 0.25 điểm; - Không có công chức bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.25 điểm.
5.2.3	Thực hiện công tác quản lý hồ sơ CB, CC	1		
	<i>Từ 90% - 100% CB, CC thực hiện cập nhật hồ sơ CB, CC hàng năm, thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %</i>		- Báo cáo công tác quản lý hồ sơ CB, CC năm đánh giá; - Tình hình thực hiện cập nhật hồ sơ CB, CC trên phần mềm.	Tính tỷ lệ % số CB, CC được cập nhật hồ sơ hàng năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 50% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo tỷ lệ %; - Dưới 50%: 0 điểm.
	<i>Dưới 90% CB, CC thực hiện cập nhật hồ sơ: 0</i>			
5.3	<b>CB,CC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức</b>	0.5		
	<i>Từ 90% - 100% CB, CC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % tham dự) X 0.5</i>		Thống kê số lượng người tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; Báo cáo việc đào tạo, bồi dưỡng theo mẫu quy định.	Tính tỷ lệ % việc hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; nếu: - Hoàn thành từ 50% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 0.5; - Dưới 50%: 0 điểm.
	<i>Dưới 90% CB, CC tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 0</i>			
6	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	3		
6.1	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	2.5		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	Báo cáo tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư 2 năm trước liền kề.	Tính tỷ lệ số vốn ngân sách nhà nước được giải ngân năm trước liền kề so với kế hoạch, nếu: - Đạt từ 90% trở lên thì đánh giá
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao: 1</i>			

	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân từ 60% - 90% so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ giải ngân KH đầu tư vốn NSNN) X 0.75</i>			là 1 điểm; - Từ 60 - dưới 90% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 0.75; - Dưới 60% : 0 điểm.
	<i>Đạt tỷ lệ giải ngân dưới 60% so với kế hoạch được giao: 0</i>			
6.1.2	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách	1	Cung cấp các công văn, kết luận, thông báo của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính, ngân sách; Báo cáo tình hình khắc phục các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính Hồ sơ, tài liệu thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị	Tính tỷ lệ % số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra về tài chính, nếu tỷ lệ thực hiện: - 100% thì điểm đánh giá là: 1 điểm; - Từ 80 - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5 điểm; - Dưới 80% : 0 điểm.
	<i>100% số kiến nghị được thực hiện: 1</i>			
	<i>Từ 80% - dưới 100% số kiến nghị được thực hiện: 0.5</i>			
	<i>Dưới 80% số kiến nghị được thực hiện: 0</i>			
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại UBND cấp xã	0.5		
	<i>Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0.5</i>		Báo cáo thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP theo mẫu quy định.	- Không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện thì đánh giá là 0.5 điểm; - Có phát hiện sai phạm: 0 điểm.
	<i>Có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>			
6.2	<b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b>	<b>0.5</b>		
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>		Giải trình của cấp xã.	- Đúng quy định và không có sai phạm thì đánh giá là 0.5 điểm; - Không đúng quy định hoặc có phát hiện sai phạm: 0 điểm.
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			

7	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>10</b>		
7.1	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</b>	<b>4.5</b>		
7.1.1	Triển khai 5 phần mềm dùng chung	0.5	Giải trình và hình ảnh trên Trang Thông tin điện tử của cấp xã về triển khai, duy trì và cập nhật 5 phần mềm dùng chung.	- Có tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật 5 phần mềm dùng chung thì đánh giá là 0.5 điểm; - Không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật 5 phần mềm dùng chung: 0 điểm.
	<i>Tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật phần mềm: 0.5</i>			
	<i>Không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật: 0</i>			
7.1.2	Văn bản đi trao đổi dưới dạng điện tử	1.5	Thống kê tổng số văn bản đi trao đổi dưới dạng điện tử và tổng số văn bản đi; tính tỷ lệ %	Nếu tỷ lệ % đạt: - Từ 90% số văn bản đi trở lên: 1.5; - Từ 60% - dưới 90% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: Tỷ lệ % X 1.25; - Dưới 60% : 0
	<i>Từ 90% số văn bản đi trở lên: 1.5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 90% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số văn bản đi) X 1.25</i>			
	<i>Dưới 60% số văn bản: 0</i>			
7.1.3	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trên văn bản điện tử	1.5	- Thống kê danh mục hồ sơ có sử dụng chứng thư số, chữ ký số trên văn bản điện tử/ văn bản đi trong năm đánh giá, kết hợp giải trình; tính tỷ lệ %; - Cung cấp các văn bản xác minh.	Tính tỷ lệ % số hồ sơ có sử dụng chứng thư số, chữ ký số trên văn bản điện tử/ văn bản đi, nếu: - Đạt 90% số văn bản đi trở lên: 1.5; - Đạt từ 60% - dưới 90% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ %) X 1.25; - Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
	<i>Từ 90% số văn bản đi trở lên: 1.5</i>			
	<i>Từ 60% - dưới 90% số văn bản thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % số văn bản đi) X 1.25</i>			
	<i>Dưới 60% số văn bản: 0</i>			
7.1.4	Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin	1	- Giải trình: Việc bảo đảm an	Nếu:

	<i>CB, CC không sử dụng thư điện tử công cộng (gmail, yahoo...) trong giao dịch công vụ: 0,25</i>		toàn, an ninh thông tin của CB, CC và thực hiện theo quy định việc quản lý thông tin điện tử hoặc chứng thư số chuyên dùng đối với CB,CC nghỉ hưu, chuyển công tác.	- CB, CC không sử dụng thư điện tử công cộng (gmail, yahoo...) trong giao dịch công vụ: 0,25; - Thực hiện theo quy định việc quản lý thông tin điện tử hoặc chứng thư số chuyên dùng đối với CB,CC nghỉ hưu, chuyển công tác: 0,5; - 100% máy tính cấp xã có cài đặt phần mềm diệt virus: 0,25.
	<i>Thực hiện theo quy định việc quản lý thông tin điện tử hoặc chứng thư số chuyên dùng đối với CB,CC nghỉ hưu, chuyển công tác: 0,5</i>			
	<i>100% máy tính đơn vị có cài đặt phần mềm diệt virus: 0,25</i>			
<b>7.2</b>	<b><i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i></b>	<b>2.5</b>		
7.2.1	TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5	- Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ trong năm;	Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4. Nếu tỷ lệ % này đạt: - Từ 60% trở lên : 0.5 điểm; - Từ 40% - dưới 60% thì điểm đánh giá là: 0.25 điểm; - Dưới 40% : 0
	<i>Từ 60% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.5</i>			
	<i>Từ 40% - dưới 60% số TTHC cung cấp dịch vụ trực tuyến mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ: 0.25</i>			
	<i>Dưới 40% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0</i>			
7.2.2	Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1	Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến được xử lý mức độ 3;	Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ % này đạt:
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>			
	<i>Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính: 0.5</i>			

	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0</i>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 40% trở lên : 1 điểm;</li> <li>- Từ 20% - dưới 40% thì điểm đánh giá: 0.5;</li> <li>- Dưới 20% : 0.</li> </ul>
7.2.3	Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1	<p>Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến được xử lý mức độ 4;</p>	<p>Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ % này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 30% trở lên : 1 điểm;</li> <li>- Từ 10% - dưới 30% thì điểm đánh giá: 0.5;</li> <li>- Dưới 10% : 0.</li> </ul>
	<i>Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>			
	<i>Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính 0.5</i>			
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>			
7.3	<b><i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</i></b>	<b>1</b>		
7.3.1	Hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0.5	<p>Phạm vi đánh giá: chỉ đánh giá đối với các TTHC có quy định tiếp nhận qua dịch vụ BCCI; Thống kê số lượng hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích và hồ sơ đã tiếp nhận (đối với các TTHC có quy định tiếp nhận qua dịch vụ BCCI) trong thời gian từ 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá.</p>	<p>Tính tỷ lệ % đạt được. Nếu tỷ lệ % này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 15% số hồ sơ trở lên : 0.5 điểm;</li> <li>- Từ 10 - dưới 15% : 0.25 điểm;</li> <li>- Dưới 10% : 0 điểm.</li> </ul>
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>			
	<i>Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25</i>			
	<i>Dưới 10% số hồ sơ: 0</i>			

7.3.2	Kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0.5	Thống kê số lượng hồ sơ đã giải quyết được trả qua dịch vụ bưu chính công ích và hồ sơ đã giải quyết (đối với các TTHC có quy định trả qua dịch vụ BCCI) trong thời gian từ 16/10 năm trước đến 15/10 năm đánh giá.	<p>Tính tỷ lệ % đạt được. Nếu tỷ lệ % này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 15% số hồ sơ trở lên : 0.5 điểm;</li> <li>- Từ 10 - dưới 15% : 0.25 điểm;</li> <li>- Dưới 10% : 0 điểm.</li> </ul>
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 0.5</i>			
	<i>Từ 10% - dưới 15% số hồ sơ: 0.25</i>			
	<i>Dưới 10% số hồ sơ: 0</i>			
<b>7.4</b>	<b>Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định</b>	<b>2</b>		
7.4.1	Công bố ISO 9001 theo quy định	0.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản thông báo gửi đến cơ quan chức năng;</li> <li>- Hình ảnh niêm yết tại cấp xã, hình ảnh (hoặc đường dẫn) đăng tải trên trang thông tin điện tử.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp đầy đủ theo yêu cầu thì đánh giá là 0.5 điểm;</li> <li>- Nếu thiếu, không đầy đủ: 0 điểm.</li> </ul>
	<i>Đã công bố: 0.5</i>			
	<i>Chưa công bố: 0</i>			
7.4.2	TTHC áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015	0.5	Số lượng TTHC áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; tính tỷ lệ % các quy trình, TTHC được áp dụng.	<p>Nếu tỷ lệ % này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 90 - 100% : 0.5 điểm;</li> <li>- Dưới 90% : 0 điểm.</li> </ul>
	<i>Từ 90% - 100% các quy trình, TTHC được áp dụng: 0.5</i>			
	<i>Dưới 90% số TTHC được áp dụng quy trình: 0</i>			
7.4.3	Áp dụng đồng bộ, đầy đủ các quy trình giải quyết TTHC đã được thiết lập với quy trình ISO điện tử	0.5	Giải trình các TTHC có áp dụng đồng bộ, đầy đủ các quy trình đã được thiết lập với quy trình ISO điện tử; tính tỷ lệ % các TTHC có áp dụng.	<p>Nếu tỷ lệ % này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 90 - 100% : 0.5 điểm;</li> <li>- Dưới 90% : 0 điểm.</li> </ul>
	<i>Từ 90% đến 100% TTHC: 0.5</i>			
	<i>Dưới 90%: 0</i>			



7.4.3	Thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	0.5	Báo cáo việc triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN theo mẫu hướng dẫn	Thực hiện đầy đủ, đúng quy trình: 0.5 Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy trình: 0.25 Thực hiện chưa đầy đủ và chưa đúng quy trình: 0
	<i>Đầy đủ, đúng quy trình: 0.5</i>			
	<i>Chưa đầy đủ hoặc chưa đúng: 0.25</i>			
	<i>Chưa đủ và chưa đúng: 0</i>			
<b>NHÓM 2: ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC</b>		<b>50</b>		
<b>1</b>	<b><i>Đánh giá kết quả thực hiện của đội ngũ lãnh đạo quản lý</i></b>	<b>25</b>		Điều tra XHH
<b>2</b>	<b><i>Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS)</i></b>	<b>25</b>		Điều tra XHH
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>		